

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 31-7-2019
V/v Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Vui

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Tứ Hải**

2. Ông **Huỳnh Hồng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Lữ Ngọc Minh Châu** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 138/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Huỳnh Thị Diệu H**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã A, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 3 năm 2019 và những lời khai khác có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày:***

Hôn nhân giữa anh và chị Huỳnh Thị Diệu H do tự tìm hiểu quen biết tiến tới hôn nhân, được gia đình hai bên đồng ý có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào

ngày 28 tháng 02 năm 2013. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung gia đình anh tại ấp H, xã A được một năm sau đó vợ chồng đi làm tại tỉnh Bình Dương. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 năm đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do chị H nói đi khám bệnh nhưng không có giấy khám bệnh khi về anh hỏi thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn cãi vã nhau, sau đó chị H nói là anh nuôi con chị H đi trị bệnh khi nào hết bệnh thì về nhưng chị bỏ đi từ năm 2017 đến nay.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Huỳnh Thị Diệu H.

- *Về con chung*: Có hai người con chung tên Lê Thị Kiều A, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 và Lê Thị Kiều Y, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 hiện đang sống với anh T. Sau khi ly hôn anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung không yêu cầu chị Huỳnh Thị Diệu H cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung phải thu, phải trả*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh không còn yêu cầu nào khác.

*** Đối với bị đơn chị Huỳnh Thị Diệu H:**

Chị Huỳnh Thị Diệu H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã A, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long nhưng hiện chị H không có mặt tại địa phương, đi không trình báo với chính quyền địa phương. Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng chị H cố tình không hợp tác.

*** Theo biên bản lấy lời khai ngày 02 tháng 5 năm 2019 cháu Lê Thị Kiều A, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 và cháu Lê Thị Kiều Y, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 trình bày:** Khi cha mẹ ly hôn hai cháu có nguyện vọng sống với cha.

Tài liệu, chứng cứ trong vụ án:

Nguyên đơn đã nộp: 01 trích lục khai sinh bản sao, 01 giấy khai sinh bản sao, 01 trích lục kết hôn bản sao, đơn xin xác nhận, phiếu chuyển phát nhanh.

Bị đơn chị Huỳnh Thị Diệu H không đến tham gia tố tụng tại tòa án nên chị H không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Vào ngày 10 tháng 7 năm 2019 Tòa án đã tiến hành xác minh ông Đỗ Văn P nguyên trưởng ấp H, xã A và chị Nguyễn Thị Thanh M ngụ ấp H, xã A, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long: Theo ông P trình bày thì ông có nghe cha của anh Lê Văn T là ông Lê Văn Th nói là do chị H có người đàn ông khác nên chị H bỏ đi. Hiện chị H còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp H, xã A nhưng chị H có về địa phương hay không thì ông không rõ. Theo chị M trình bày chị là hàng xóm của anh T và chị H, vào năm 2018 anh T trở về nhà cha mẹ ruột sinh sống nhưng không thấy chị H về cùng, chị nghe anh T nói là do vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nên chị H bỏ đi. Chị H có về nhà thăm con nhưng chị không nhớ thời gian nào.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm phát biểu quan điểm: vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, từ khi thụ lý đến phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự thủ tục.

Hướng giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

- Về hôn nhân: Cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Diệu H.

- Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Kiều A, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 và Lê Thị Kiều Y, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 cho anh Lê Văn T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Huỳnh Thị Diệu H phải cấp dưỡng nuôi con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình: Anh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra đương sự không còn yêu cầu nào khác giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu và các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng từ khi thụ lý vụ án đến khi vụ án được đưa ra xét xử chị Huỳnh Thị Diệu H cố tình vắng mặt không lý do, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, chị H biết anh T yêu cầu ly hôn với chị tại Tòa án nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mối quan hệ hôn nhân giữa anh Lê Văn T và chị Huỳnh Thị Diệu H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân của anh chị do tự tìm hiểu quen biết có tổ chức lễ cưới vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 28 tháng 02 năm 2013. Theo lời trình bày của anh T thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng có cãi vã, chị H bỏ nhà đi từ năm 2017 đến nay, hiện nay anh chị không còn sống chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc anh T yêu cầu ly hôn với chị H là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Con chung: Giao con chung tên Lê Thị Kiều A, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 và Lê Thị Kiều Y, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Các khoản nợ phải thu, phải trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Lê Văn T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Văn T.

[1] Về mối quan hệ hôn nhân: Cho anh Lê Văn T được ly hôn với chị Huỳnh Thị Diệu H.

[2] Con chung: Giao cháu Lê Thị Kiều A, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 và Lê Thị Kiều Y, sinh ngày 12 tháng 5 năm 2012 cho anh Lê Văn T nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu chị Huỳnh Thị Diệu H phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Huỳnh Thị Diệu H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Tài sản chung: Anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[4] Nợ chung phải thu, phải trả: Anh Lê Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Miễn xét.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Lê Văn T nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N⁰ 0009699 ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)**

Huỳnh Văn Vui